Chi tiết mã HS 1605.10

Mã HS	1605.10
Mô tả hàng hóa	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ:
Đơn vị	
Thời điểm tạo	01/11/2026 21:50:37
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/160510/

5 dòng thuế thuộc 1605.10

Mã HS	Mô tả hàng hóa	Đơn vị	Thuế NK thông thường	MFN	VAT
1605.10.11	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - Ghẹ (thuộc họ Portunidae)	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.10.12	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - Cua hoàng đế/cua vua Alaska (cua thuộc họ Lithodidae)	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.10.13	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - Cua tuyết (cua thuộc họ Oregoniidae)	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.10.14	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Đóng bao bì kín khí để bán lẻ: / - - - Loại khác	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)
1605.10.90	Động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác, đã được chế biến hoặc bảo quản / - Cua, ghẹ: / - - Loại khác	kg	52,5%	35%	8 / 10 (nhiều mức)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.